

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 888/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/7/2022

V/v Ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Hồng Hải**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Kim Liên**.

2. Bà **Nguyễn Thị Tịnh Tâm**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Bá Hùng Tâm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Đặng Thị Tuyết Mai** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 505/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 05 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 103/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 06 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **T.N.A.C**, sinh năm 1980. (Có đơn xin vắng mặt)

Thường trú: 519 ấp C.X, xã T.T.B, huyện M.C.B, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên hệ: 163/1D T.V.K, ấp .A.T.A, xã M.T.A, thành phố B.T, tỉnh Bến Tre

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **N.T.M** - Luật sư của Chi nhánh B.T - Công ty Luật TNHH DC Counsel thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Địa chỉ: 163/1D T.V.K, ấp .A.T.A, xã M.T.A, thành phố B.T, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Ông **Đ.Q.V**, sinh năm 1968. (Có mặt)

Thường trú: Thôn P.G, thị trấn K.G, huyện L.T, tỉnh Quảng Bình.

Tạm trú: Nhà không số, Tổ 123, ấp T.Đ3, xã T.T.T, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà T.N.A.C trình bày:

Bà C và ông V tự nguyện đến với nhau, có tổ chức lễ cưới và được Ủy ban nhân dân xã T.T.B, huyện M.C.B, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn số 64, ngày 02/6/2014. Sau khi kết hôn bà C và ông V sống tại Bến Tre. Trong thời gian sống chung ban đầu có hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cách sống, hai bên thường xuyên cự cãi. Ông V thường xuyên đe dọa đánh đập bà C, bà C nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng cả hai vẫn không thể có tiếng nói chung. Nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và bà C không còn tình cảm với ông V nữa nên xin dứt khoát ly hôn để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đ.Q.A, sinh ngày 14/4/2015. Bà C xin được nuôi con và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Bà C cung cấp tài liệu chứng cứ là hợp đồng làm việc xác định thời hạn của Bệnh viện Đa Khoa khu vực C.L.N, chức danh chuyên môn: Viên chức hành chính.

- Tài sản chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà C tự nguyện chịu.

Bị đơn ông Đ.Q.V trình bày:

Sau một thời gian tìm hiểu, ông Đ.Q.V và bà T.N.A.C đã tự nguyện chung sống với nhau và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64 do Ủy ban nhân dân xã T.T.B, huyện M.C.B, tỉnh Bến Tre cấp ngày 02/6/2014.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do em của bà C đã hành hung ông V và trẻ A không có lý do, bà C không dàn xếp được phía gia đình bên vợ, không có ý thức xây dựng gia đình, không có trách nhiệm với con cái. Ông V và bà C đã ly thân từ tháng 4/2020 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống và tự lo cho bản thân. Ông V nhiều lần đề nghị bà C đến thăm con và gặp mặt để cùng chăm sóc con nhưng bà C không đến, không có thiện chí hòa giải với ông V. Do đó, ông V nhận thấy tình cảm vợ chồng đã trở nên lạnh nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng nhau, không thể hàn gắn trở về chung sống với nhau được nên ông V đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đ.Q.A, sinh ngày 14/4/2015. Sau ly hôn, ông V yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ A và yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Tại phiên Tòa ông V thay đổi ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết việc bà C cấp dưỡng nuôi con. Ông V rút yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con, ông cung cấp giấy xác nhận công tác chức danh chuyên môn là Quản đốc công trình mức lương tháng hiện tại là 25.000.000 đồng/tháng và Giấy nhập học trường T.Đ 2, xã T.T.T, huyện H.M của trẻ Đ.Q.A.

- Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống, ông V và bà C có tạo lập được 01 căn nhà có diện tích 5m x 19m, được xây dựng kiên cố trên phần đất bà

C được cha mẹ cho nhưng chưa làm giấy tờ đất, địa chỉ: 519 ấp C.X, xã T.T.B, huyện M.C.B, tỉnh Bến Tre. Giá trị căn nhà tại thời điểm xây dựng là 350.000.000 đồng. Ông V yêu cầu chia đôi, mỗi người hưởng 50% giá trị. Ngày 28/4/2022, ông V nộp đơn xin rút yêu cầu phản tố đối với yêu cầu chia tài sản chung trên. Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung.

- Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ đúng quy định. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tuy nhiên vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Căn cứ Điều 19, 55, 56, 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi của nguyên đơn. Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà T.N.A.C và ông Đ.Q.V, giao con chung cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng, ông V không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Đ.Q.V về chia tài sản chung và ghi nhận việc ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Ông V có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và bị đơn hiện đang cư trú tại nhà không số, tổ 123, ấp T.Đ 3, xã T.T.T, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn bà T.N.A.C có đơn xin xét xử vắng mặt. Nguyên đơn bà C có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 28/4/2022, Ông V có đơn xin rút yêu cầu phản tố về việc yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng/tháng và yêu cầu được nhận 1/2 giá trị tài sản là căn nhà có địa chỉ 519 ấp C.X, xã T.T.B, huyện M.C.B, tỉnh B.T có giá trị tương ứng là 175.000.000 đồng. Ông V có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại bằng vụ án dân sự khác nên áp dụng Điều 244 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận và không đề cập giải quyết đối với yêu cầu này.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà T.N.A.C với ông Đ.Q.V tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 64 do Ủy ban nhân dân xã T.T.B, huyện M.C.B, tỉnh Bến Tre cấp ngày 02/6/2014 thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T.N.A.C với ông Đ.Q.V là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà T.N.A.C.

Quá trình giải quyết vụ án thể hiện, bà C yêu cầu ly hôn. Ông V nhận thấy bà C không còn tình cảm và cương quyết xin ly hôn nên ông V đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận việc bà C và ông V thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung:

Xét thấy bà C và ông V đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung Đ.Q.A, sinh ngày 14/4/2015.

Vì các bên có tranh chấp về nuôi con nên Hội đồng xét xử xem xét các điều kiện quyền lợi về mọi mặt cho con để giải quyết:

- Xét điều kiện học tập và sinh hoạt cá nhân của cháu Q.A: Cháu Đ.Q.A hiện học tại trường tiểu học T.Đ 2, xã T.T.T, huyện H.M, thành phố Hồ Chí Minh. Bà C hiện cư trú tại B.T, công tác và làm việc tại Bến Tre. Ông V sống cùng cháu Q.A tại xã T.T.T, huyện H.M, thành phố Hồ Chí Minh nên sẽ có môi trường dân trí và văn hóa phù hợp thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt cá nhân cháu Q.A.

- Xét điều kiện kinh tế và điều kiện chăm sóc con chung: Bà C nộp hợp đồng làm việc xác định thời hạn nhưng không nêu được bản lương hiện tại là bao nhiêu. Ông Q.V công việc cố định với mức lương hàng tháng 25.000.000 đồng, khi nuôi con ông không yêu cầu bà C cấp dưỡng tiền nuôi con. Ông V nhiều lần đến phiên tòa tham dự hòa giải, xét xử để mong được thỏa thuận thương lượng với bà C về việc giải quyết vụ án nhưng bà C thường xuyên bận công tác và làm đơn xin vắng mặt. Cháu Q.A hiện đang tạm trú tại thành phố Hồ Chí Minh cùng với ông V, bà C hiện ở B.T do đó không thể có thời gian thuận tiện trong việc đưa đón chăm sóc con.

Đồng thời theo nguyện vọng của trẻ Q.A là cháu xin được ở với ông V.

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao con cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đáp ứng các điều kiện về quyền lợi mọi mặt để cháu Q.A có thể sinh sống ổn định, phát triển về thể chất tinh thần và giáo dục nên căn cứ quy định tại khoản 02 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của ông V được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Q.A và không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà C cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận lời trình bày của hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và không có nợ chung.

[7] Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn là phù hợp.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng: Bà C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả lại cho ông V toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp do rút yêu cầu phản tố.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 217, Điều 218, Điều 227, Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 58, 69, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T.N.A.C.

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông T.N.A.C và ông Đ.Q.V.

- Về con chung:

Giao con chung Đ.Q.A, sinh ngày 14/4/2015 cho ông Đ.Q.V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trẻ Q.A trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông Đ.Q.V không yêu cầu bà T.N.A.C cấp dưỡng nuôi con, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà C đến khi ông V có yêu cầu.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận lời trình bày của hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và không có nợ chung.

[2] Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Đ.Q.V về việc yêu cầu bà T.N.A.C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng và yêu cầu được nhận 1/2 giá trị tài sản là căn nhà có địa chỉ 519 ấp Chợ Xếp, xã Tân Thành Bình, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre có giá trị tương ứng là 175.000.000 đồng. Ông Vũ có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại bằng vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T.N.A.C phải chịu là 300.000 đồng, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0075081 ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.M. Bà T.N.A.C đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho ông Đ.Q.V toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.675.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0039080 ngày 23/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.M.

[4] Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM
- Chi cục THADS H. Hóc Môn
- VKSND H. Hóc Môn;
- UBND xã Tân Thành Bình, huyện
Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre cấp
(GCNKH số 64, ngày 02/6/2014);
- Dương sự;
- Lưu : VT, hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Hồng Hải